

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 31-01-2018.
V/v: “Kiện yêu cầu không
công nhận vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Ksor Y Nai – Cán bộ hưu trí.

2, Bà Triệu Thị Danh – Phó chủ tịch Hội người cao tuổi huyện Ea H'Leo.

-Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31/01/2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 371/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2017 về việc “*Kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ – sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Lưu Văn H – sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn D, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đ, ông H là nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Đ và ông Lưu Văn H tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2006, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không tin tưởng bà Đ, nghi ngờ bà Đ có quan hệ ngoại tình, nên bà Đ, ông H thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm nhau, hiện bà Đ và ông H không còn yêu thương quý trọng lẫn nhau,

cuộc sống của vợ chồng không thể kéo dài được nữa, nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà Đ và ông H là vợ chồng.

Ngược lại, ông H cho rằng: Trong cuộc sống do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi vã làm mất tình nghĩa vợ chồng, hiện ông H và bà Đ đã sống ly thân từ tháng 9/2017. Nay bà Đ có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông H và bà Đ là vợ chồng, ông H cũng đồng ý.

Về con chung: Bà Đ và ông H có 02 người con chung là Lưu Nhất V – sinh ngày 12/7/2007 và Lưu Nhất Q – sinh ngày 18/5/2012. Bà Đ và ông H đều có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ yêu cầu ông H cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng để bà Đ nuôi con, còn ông H thì yêu cầu bà Đ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng để ông H nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ, ông H không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Bà Phạm Thị Đ và ông Lưu Văn H tự nguyện về sống chung với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên bà Đ khởi kiện yêu cầu không công nhận bà và ông H là vợ chồng, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Pháp luật về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Đ và ông Lưu Văn H tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 2006, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND nơi cư trú theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình thì không có giá trị pháp lý, nên không được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung bà Đ và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn và kéo dài ngày càng gay gắt. Hiện tại hai người đã sống ly thân và giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc bà Đ yêu cầu không công nhận bà và ông H là vợ chồng, là có căn cứ, phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà Đ và ông H có 02 người con chung, nhưng bà Đ và ông H ai cũng có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, xét nguyện vọng của các con chung và để đảm bảo cho các con chung được phát triển toàn diện về mọi mặt, cần giao con chung Lưu Nhất V – sinh ngày 12/7/2007 và Lưu Nhất Q – sinh ngày 18/5/2012 cho bà Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà Đ yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào lời khai của ông H thì ông H có mức thu nhập ổn định hàng tháng là 5.500.000 đồng. Với mức thu nhập này, phải đảm bảo duy trì cuộc sống và tái tạo sức lao động của ông H. Xét mức chi phí nuôi con chung ở mức độ trung bình tại địa bàn, cần chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đ. Buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung cho bà Đ mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Ông H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Bà Đ, ông H không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Đ và ông Lưu Văn H.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Giao 02 con chung Lưu Nhất V – sinh ngày 12/7/2007 và Lưu Nhất Q – sinh ngày 18/5/2012 cho bà Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Ông Lưu Văn H phải đóng góp nuôi 02 con chung là Lưu Nhất V và Lưu Nhất Q với bà Phạm Thị Đ số tiền là 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Bà Đ, ông H không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí tòa án;

Bà Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số AA/2017/000724 ngày 12/12/2017.

Ông Lưu Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (Án phí cấp dưỡng nuôi con chung)

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ